

# Chương 4

- 4.1. Khái quát chung về thuế
- 4.2. Phân phối gánh nặng thuế
- 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Khái niệm

Thuế là gì? Trên thực tế qua sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng, ta thường đọc và nghe nói về những hình thức thuế nào?

Một khoản thuế phải nộp khác gì với khoản trả tiền mua hàng, khoản học phí phải nộp ở trường công, khoản lệ phí phải nộp khi đi qua cầu? Thuế cũng khác gì với khoản tiền phải trả khi trước đó chúng ta đi vay?

Có nhiều định nghĩa khác nhau về Thuế qua từng thời kỳ => Thuế có tính lịch sử và được tiếp cận dưới những luồng tư tưởng/lý luận khác nhau

Mác và Ang ghen đều chỉ đề cập tới vai trò đóng thuế của nhân dân như một sự bóc lột. Theo Mác : “Thuế là có sở kinh tế của bộ máy nhà nước là thủ đoạn đơn giản để kho bạc thu được tiền hay tài sản của dân dùng vào việc chi tiêu của Nhà nước”

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Khái niệm

Trên góc độ phân phối thu nhập: “thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của nhà nước (Quỹ ngân sách nhà nước) để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”

Trên góc độ người nộp thuế: “Thuế là khoản đóng góp bắt buộc cho Nhà nước theo luật định để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Người đóng thuế được hưởng hợp pháp phần thu nhập còn lại”

Trên góc độ kinh tế học: “Thuế là biện pháp đặc biệt theo đó, Nhà nước sử dụng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế xã hội của nhà nước”

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Khái niệm tổng hợp:

Thuế là một khoản trích nộp **bằng tiền**, có tính chất xác định, **không hoàn trả trực tiếp** do các công dân hoặc thực thể pháp lý đóng góp cho Nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà nước trong việc thực hiện các **chức năng kinh tế-xã hội của Nhà nước**

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Tính chất

Thuế luôn gắn với nhà nước và pháp luật. Thuế ra đời và tồn tại gắn với sự ra đời và tồn tại của nhà nước.

Sự tiến triển của các hình thái thuế: thuế lao dịch; thuế hiện vật; thuế tiền tệ

Sự tiến triển nói trên gắn liền với quá trình phát triển của kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường. Hình thức thuế càng về sau càng mở rộng sự lựa chọn của người nộp thuế và tăng cường tính hiệu quả.



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Tính chất

Thuế là khoản nộp có tính chất bắt buộc mà nhà nước áp đặt cho các cá nhân và tổ chức trong xã hội theo một quy tắc nào đó.

Thuế có tính chất cưỡng bức, dựa trên quyền lực của nhà nước

Thuế có tính chất phân phối lại: có một sự di chuyển nguồn lực thật sự từ người nộp thuế sang nhà nước.

Thuế có tính không hoàn trả trực tiếp, không có tính chất đổi giá: Người nộp thuế không trực tiếp nhận lại HHDV hay lợi ích

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Các chức năng của thuế

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN: Đây là chức năng cơ bản, nguyên thủy của thuế. (Nhà nước có thể có những nguồn thu gì khác thuế? Tại sao các nguồn thu này không đóng vai trò chủ chốt trong NSNN?)

Các nguồn thu khác của NN ngoài Thuế:

- Vay nợ hoặc viện trợ nước ngoài
- Doanh thu từ bán các tài sản của Nhà
- Tài trợ và đóng góp tự nguyện cho nhà nước
- Các khoản tiền phạt hoặc tài sản bị tịch thu
- Các khoản lệ phí cấp phát hoặc bảo đảm cho các loại giấy phép
- Giá thuê, nhượng bộ, và tiền bản quyền thu bởi nhà nước khi nó ra khỏi hợp đồng quyền lợi từ một số tốt hoặc dịch vụ cho một công ty tư nhân.
- .....

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

- Các chức năng của thuế

Thuế là công cụ điều tiết kinh tế của nhà nước: NN sử dụng thuế để tác động vào nền kinh tế nhằm theo đuổi những mục tiêu nhất định.

+ Thuế là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô: hướng vào các mục tiêu kinh tế vĩ mô

+ Thuế là công cụ điều tiết kinh tế vi mô: tác động vào từng thị trường riêng biệt; khuyến khích hay hạn chế việc sản xuất, tiêu dùng một loại hàng hóa, dịch vụ riêng biệt

+ Thuế là công cụ phân phối lại: hướng đến mục tiêu công bằng

Lưu ý: các mục tiêu có thể xung đột nhau



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

Các cách phân loại thuế

- *Theo tính chất*: có 2 loại thuế là trực thu và gián thu.
  - + Thuế trực thu: Người nộp thuế không dịch chuyển gánh nặng thuế một cách trực tiếp cho người khác
  - + Thuế gián thu: Người nộp thuế có thể dịch chuyển (một phần hay toàn bộ) gánh nặng thuế cho người khác
  - + Thuế xuất, nhập khẩu; thuế thu nhập cá nhân là thuế trực thu hay gián thu?

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

Ví dụ thuế trực thu

- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế lợi tức
- Thuế thu nhập công ty
- Thuế tài sản
- Thuế thừa kế

....

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

### Đặc điểm thuế trực thu

- Thuế này có tính công bằng hơn thuế gián thu, vì phần đóng góp về thuế thường phù hợp đối với khả năng của từng đối tượng, có tính phân loại đối tượng nộp.
- Thuế trực thu có nhược điểm là hạn chế phần nào sự cố gắng tăng thu nhập của các đối tượng, vì thu nhập và lợi nhuận càng cao thì phải nộp thuế càng nhiều.
- Thuế trực thu do người có thu nhập phải trả một cách trực tiếp và có ý thức cho nhà nước, nên họ cảm nhận ngay được gánh nặng về thuế và có thể dẫn tới những phản ứng từ chối hoặc trốn thuế.
- Việc quản lý thu thuế này phức tạp và chi phí thường cao so với thuế gián thu

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

Ví dụ thuế gián thu

- Thuế doanh thu
- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất nhập khẩu...

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

### Đặc điểm thuế gián thu

- Dễ thu hơn thuế trực thu vì tránh được quan hệ trực tiếp giữa người chịu thuế (người tiêu dùng) với cơ quan thu thuế.
- Dễ điều chỉnh hơn thuế trực thu vì những người chịu thuế thường không cảm nhận đầy đủ gánh nặng của loại thuế này.



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

Các cách phân loại thuế

- *Theo nội dung (đối tượng tính thuế):*
  - + Thuế hàng hóa (thuế khối lượng hay giá trị): đánh vào hàng hóa lưu chuyển.
  - + Thuế thu nhập: đánh vào thu nhập, bao gồm thuế TN cá nhân, thuế TN DN.
  - + Thuế tài sản: đánh vào tài sản: nhà cửa, ruộng đất, các tài sản lâu bền, có giá trị cao.

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

Các cách phân loại thuế

- *Theo mức độ chịu thuế*: Thuế tỷ lệ, thuế lũy tiến, thuế lũy thoái.

Gọi  $T$  là lượng thuế phải nộp,  $Y$  là thu nhập của người nộp thuế, ta có:

- + Nếu  $T/Y$  không đổi khi  $Y$  thay đổi: thuế tỷ lệ
- + Nếu  $T/Y$  tăng khi  $Y$  tăng và ngược lại: thuế lũy tiến.
- + Nếu  $T/Y$  giảm khi  $Y$  tăng và ngược lại: thuế lũy thoái.
- Đây là những công cụ đánh giá tính công bằng của thuế.

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.1. Thuế và sự phân loại thuế

Ví dụ về thuế lũy tiến\_ Thuế thu nhập cá nhân tại VN

Bậc	Thu nhập tính thuế /tháng	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng (trđ)	5%	0 trđ + 5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 5 trđ đến 10 trđ	10%	0,25 trđ + 10% TNTT trên 5 trđ	10% TNTT - 0,25 trđ
3	Trên 10 trđ đến 18 trđ	15%	0,75 trđ + 15% TNTT trên 10 trđ	15% TNTT - 0,75 trđ
4	Trên 18 trđ đến 32 trđ	20%	1,95 trđ + 20% TNTT trên 18 trđ	20% TNTT - 1,65 trđ
5	Trên 32 trđ đến 52 trđ	25%	4,75 trđ + 25% TNTT trên 32 trđ	25% TNTT - 3,25 trđ
6	Trên 52 trđ đến 80 trđ	30%	9,75 trđ + 30% TNTT trên 52 trđ	30 % TNTT - 5,85 trđ
7	Trên 80 trđ	35%	18,15 trđ + 35% TNTT trên 80 trđ	35% TNTT - 9,85 trđ

## 4.1. Khái quát chung về thuế

### 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

- Tính hiệu quả
- Tính đơn giản về quản lý
- Tính công bằng
- Tính linh hoạt
- Tính trách nhiệm về mặt chính trị



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

### Tính hiệu quả

- Thuế thường gây ra tổn thất hiệu quả. Tại sao?
- Thuế gây ra **hiệu ứng thay thế** do làm thay đổi các mức giá tương đối=> làm thay đổi hành vi của NSX, NTD, NĐT...
- Hệ thống thuế hiệu quả cao: tổn thất hiệu quả thấp.
- Trường hợp đặc biệt: *thuế khoán* và *thuế đánh vào các hàng hóa gây ngoại ứng tiêu cực* không gây ra tổn thất hiệu quả.



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

### Hiệu ứng thay thế VS. Hiệu ứng thu nhập

**Hiệu ứng thay thế, chỉ sự tác động của thay đổi mức giá hàng hoá tới lượng cầu khi người tiêu dùng tối thiểu hoá chi tiêu vẫn muốn có mức thoả dụng bằng với mức trước khi mức giá thay đổi (thay thế hàng hoá đắt bằng hàng hoá rẻ hơn)**

VD: người này chỉ tiêu dùng 2 mặt hàng và cả 2 đều là hàng hoá thông thường. Khi mức giá của một mặt hàng tăng lên và giá của mặt hàng còn lại không đổi, để giữ được mức thoả dụng như cũ, người tiêu dùng sẽ giảm lượng cầu của mình đối với mặt hàng tăng giá và tăng lượng cầu của mình đối với mặt hàng không tăng giá.

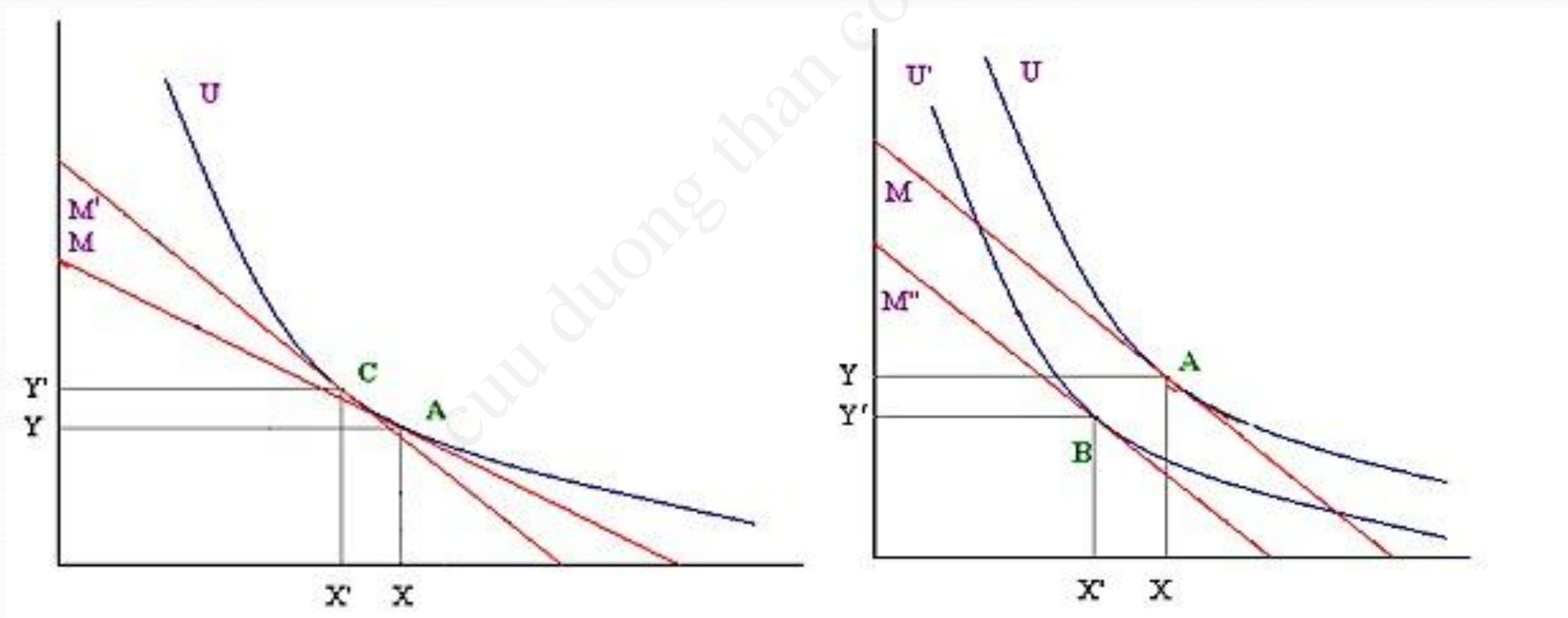
**Hiệu ứng thu nhập, chỉ sự tác động của thay đổi giá cả hàng hoá tới lượng cầu thông qua thay đổi sức mua.: Khi giá một mặt hàng tăng lên, thì dù thu nhập danh nghĩa của người tiêu dùng không đổi, nhưng sức mua của người này giảm đi => ngân sách cho chi tiêu của người này bị giảm**

Giả sử: chủ thể kinh tế chỉ tiêu dùng 2 mặt hàng và cả 2 đều là HHTT. Khi giá một mặt hàng tăng lên, thì dù thu nhập danh nghĩa của NTD không đổi, nhưng sức mua của người này giảm đi. Vì thế, có thể tưởng tượng rằng đó là tình huống các mức giá hàng không đổi, nhưng thu nhập của NTD giảm đi; nói cách khác là ngân sách cho chi tiêu của người này bị giảm. Giờ đây, người này đối mặt với chế ước ngân sách mới và cố gắng tối đa hóa thoả dụng.

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

Hiệu ứng thay thế VS. Hiệu ứng thu nhập



# Hiệu ứng thu nhập và hiệu ứng thay thế (Income Effect vs. Substitution Effect)

## EXAMPLE INCOME AND SUBSTITUTION EFFECTS FOR NORMAL AND INFERIOR GOODS.MP4

## EXAMPLE INCOME AND SUBSTITUTION EFFECTS FOR NORMAL AND INFERIOR GOODS

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

Tính đơn giản về quản lý

- Thuế gây ra những chi phí hành chính liên quan đến việc thu, nộp thuế.
- Chi phí hành chính trực tiếp: cơ quan thuế gánh chịu (CPhí thu/chống tránh, trốn thuế)
- Chi phí hành chính gián tiếp; người nộp thuế gánh chịu.
- Hệ thống thuế đơn giản (ít thuế suất, ít ngoại lệ, đơn giản về mặt thủ tục khai báo, nộp thuế...)=> chi phí quản lý thấp



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

### Tính công bằng

- Tính công bằng của hệ thống thuế được hiểu theo 2 khía cạnh:
  - + Công bằng theo chiều ngang: các cá nhân như nhau phải được đối xử về thuế như nhau (= > không phân biệt đối xử thuế giữa các hình thức thu nhập, nguồn gốc thu nhập)
  - + Công bằng theo chiều dọc: các cá nhân khác nhau phải được đối xử về thuế khác nhau (một số người có khả năng nộp thuế cao hơn những người khác và họ phải làm như vậy)
- Vấn đề: áp dụng triết lý công bằng này như thế nào trong thực tiễn? Thế nào là các cá nhân như nhau, khác nhau? Sự phân biệt này dựa trên những đặc tính nào trong đối xử thuế? Chính phủ có thể đo lường, kiểm soát được thông tin về các đặc tính này không? Thế nào là đối xử thuế như nhau, khác nhau?



# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

Những tranh cãi về cơ sở đánh thuế:

- 3 tiêu chuẩn đánh giá người đóng thuế nhiều hơn là:
  1. Có khả năng hơn;
  2. Có điều kiện kinh tế tốt hơn;
  3. Có thể nhận được nhiều lợi ích hơn từ những phân chi chung của chính phủ.
- Những biện pháp tương tự thường được sử dụng: thu nhập, thu nhập tiềm năng, tiêu dùng
- Cơ sở đánh thuế: dựa vào khả năng nộp thuế => thu nhập hàng năm (chứ không phải vào phúc lợi kinh tế, mức tiêu dùng HHC, hay thu nhập dài hạn)

## 4.1. Khái quát chung về thuế

### 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

- Khả năng nộp thuế vs. phúc lợi xã hội

Thường sử dụng thu nhập làm cơ sở để đo phúc lợi kinh tế => không thể lấy cái mà các cá nhân đã làm để làm cơ sở đánh thuế.

Một số quan điểm: mức tiền công là chỉ số tốt nhất về các **cơ hội kinh tế** của cá nhân chứ không phải thu nhập vì thuế thu nhập làm cho những người lựa chọn làm việc nhiều hơn phải nộp thuế nhiều hơn.

[The Progressive Income Tax- A Tale of Three Brothers.mp4](#)

## 4.1. Khái quát chung về thuế

### 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

#### Tính linh hoạt

- Hệ thống thuế có tính linh hoạt cao nếu nó có khả năng phản ứng kịp thời trước những thay đổi của hoàn cảnh kinh tế
- Lý tưởng: khả năng ổn định tự động của thuế thu nhập lũy tiến
- Trên thực tế: việc điều chỉnh thuế suất thường khó khăn và chậm trễ

# 4.1. Khái quát chung về thuế

## 4.1.2. Các tính chất đáng mong muốn của hệ thống thuế

- Tính trách nhiệm về mặt chính trị: Một hệ thống thuế có tính trách nhiệm về mặt chính trị:
  - + Người nộp thuế tương lai phải dự tính khoản thuế mà mình phải nộp nếu thực hiện các hành vi kinh tế nào đó.
  - + Cơ cấu thuế chỉ thay đổi theo một trình tự pháp lý chặt chẽ, không bị các nhóm lợi ích đặc biệt lạm dụng.
  - + Người nộp thuế có khả năng biết được chính phủ sử dụng tiền thuế ntn.

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

4.2.1. Khái niệm và cách đo lường

4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

4.2.3. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường độc quyền và độc quyền nhóm

4.2.4. Những yếu tố tác động đến việc phân phối gánh nặng thuế



## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.1. Khái niệm và cách đo lường

- Khái niệm: Để tạo ra một hệ thống thuế, mỗi quốc gia cần phải đưa ra những quyết định liên quan tới việc phân phối gánh nặng thuế: ai là người chịu thuế và mức thuế là bao nhiêu
- Phân tích tác động của thuế nhằm chỉ ra ai thực sự là người chịu gánh nặng thuế? Gánh nặng thuế thực sự phân chia như thế nào giữa những người có liên quan.
- Người nộp thuế danh nghĩa theo luật định có thể không phải là người thực sự chịu gánh nặng thuế nếu anh ta có thể dịch chuyển gánh nặng thuế cho người khác.

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.1. Khái niệm và cách đo lường

- Ví dụ: Giả sử trước khi có thuế, P một chai bia là 5000đ. CP đánh thuế bia với mức thuế 3000đ/chai. Người nộp thuế theo luật định là người bán hàng. Sau thuế P bia tăng thành 8000đ/chai. Trong TH này, NTD mới thực sự là người chịu toàn bộ mức thuế 3000đ/chai.
- Nếu P sau thuế chỉ là 7000đ/chai. Gánh nặng thuế được chia: NTD: 2000đ/chai; NSX (bán hàng): 1000đ/chai

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- Đường cầu:  $Q_d = f(P_d)$
- Đường cung:  $Q_s = f(P_s)$
- Nếu  $P_0$ ,  $Q_0$  là mức giá, và sl cân bằng trước thuế, chúng là nghiệm của hệ pt:  
$$Q_d = Q_s$$

$$P_d = P_s$$

- Nếu chính phủ đánh thuế khối lượng  $T$ /đơn vị hàng hóa,  $P_1$  &  $Q_1$  là  $P$ ,  $Q$  cân bằng sau thuế, chúng phải thỏa mãn:

$$Q_d = Q_s$$

$$P_d = P_s + T$$

- $\Delta P = P_1 - P_0$  gánh nặng thuế/đơn vị hh mà NTD chịu
- $T - \Delta P$ : gánh nặng thuế/đơn vị hh mà NSX chịu

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- Câu hỏi: PPGNT phụ thuộc vào cái gì? Khi nào thì gánh nặng thuế rơi chủ yếu vào NTD? NSX?
- Trả lời: Tùy thuộc vào độ co giãn theo giá của cầu ( $e_d$ ) và của cung ( $e_s$ )

Nếu  $|e_d| > e_s$  gánh nặng thuế sẽ rơi vào người tiêu dùng ít hơn và ngược lại.

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- Trường hợp đặc biệt:
  1. Nếu  $e_d = -\infty$  hoặc  $e_s = 0$ , gánh nặng thuế rơi hoàn toàn vào NTD? NSX?
  2.  $e_d = 0$  hoặc  $e_s = \infty$ , gánh nặng thuế rơi hoàn toàn vào NTD? NSX?
- **Thực chất của nguyên tắc: Người càng linh hoạt, càng dễ dàng điều chỉnh được hành vi của mình để thích ứng với thuế sẽ càng ít chịu gánh nặng thuế.  $\Rightarrow$  KL tổng quát hơn?**



# Price Elasticity (of demand or supply)

Alternative	Coefficient (E)
Perfectly Elastic	$E = \infty$
Relatively Elastic	$1 < E < \infty$
Unit Elastic	$E = 1$
Relatively Inelastic	$0 < E < 1$
Perfectly Inelastic	$E = 0$

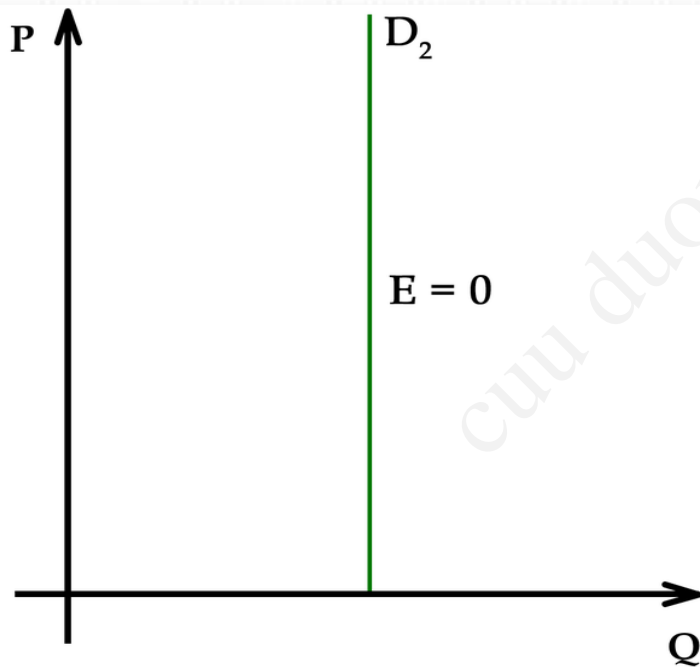
Example of perfectly elastic demand?

Example of perfectly inelastic demand?

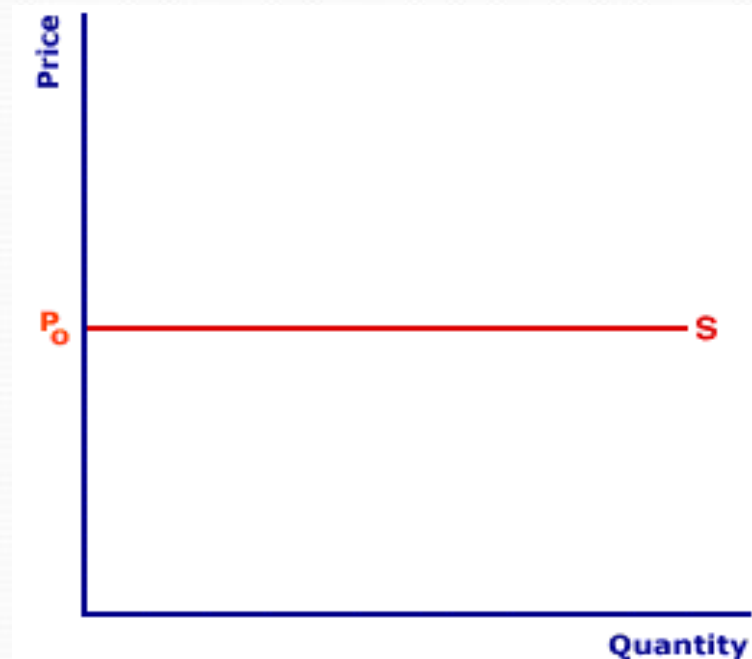
## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- Trường hợp đặc biệt 1: gánh nặng thuế hoàn toàn do người tiêu dùng chịu



$E_d = 0$  (Perfectly inelastic demand)



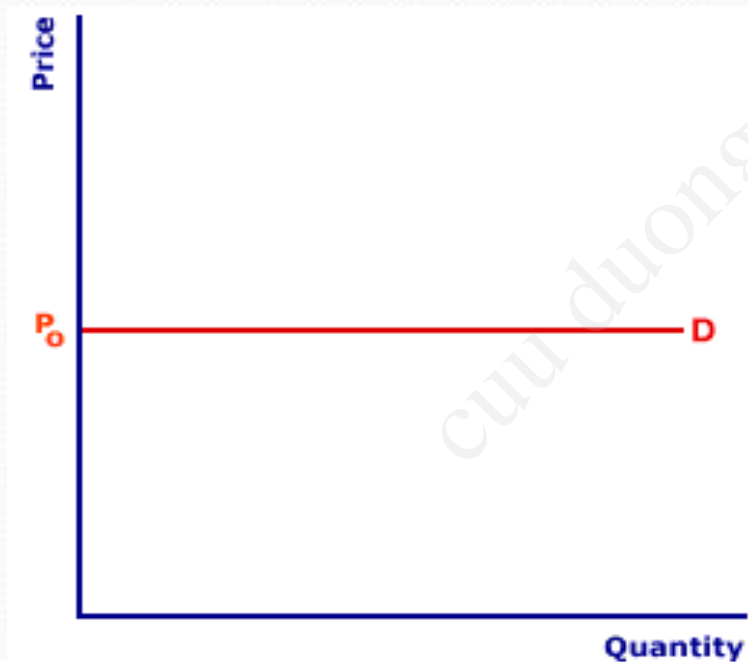
$E_s = \infty$  (Perfectly elastic supply)

$\Rightarrow$  xuất hiện tổn thất hiệu quả.

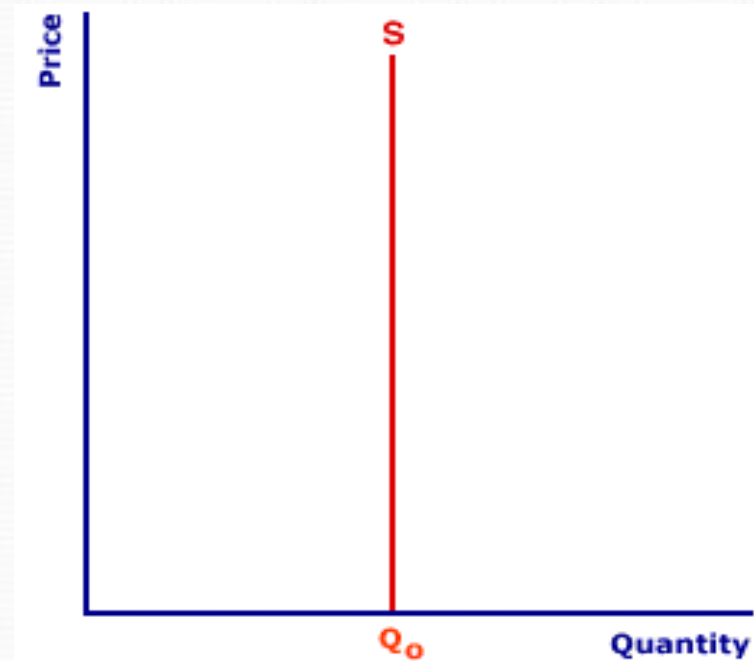
## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- Trường hợp đặc biệt 2: gánh nặng thuế hoàn toàn do người SX chịu



$E_d = \infty$  (Perfectly elastic demand)



$E_s = 0$  (Perfectly inelastic supply)

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo

#### Trường hợp thuế giá trị

- Thuế giá trị (ad valorem): thuế được xác định theo tỷ lệ phần trăm cố định của giá trị hàng hóa.
- Giả sử  $P_d$  là giá cuối cùng mà NTD phải trả, còn  $t$  là thuế suất tính theo doanh thu. Khi bán được 1 đơn vị hàng hóa, NSX phải nộp lượng thuế là:  $T_{gt} = t.P_d$ . Mức giá sau thuế mà người sản xuất thực sự nhận được là:  $P_s = P_d - T_{gt} = P_d (1 - t)$
- Hệ phương trình cân bằng sau thuế gt là:  
 $Q_d = Q_s$  ;      và       $P_s = P_d (1 - t)$
- Thiết kế tương đương:  $T_{kl} = T_{gt} = t.P_d$

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường CTHH

#### Thuế đánh vào người tiêu dùng

- Câu hỏi: Việc thiết kế để người tiêu dùng là người nộp thuế có khác gì để người sản xuất là người nộp thuế?
- Quy định danh nghĩa ai là người nộp thuế không quan trọng. Sự PPGNT không phụ thuộc vào quy định này mà chỉ phụ thuộc vào  $e_d$  và  $e_s$ .

- Khi NSX phải nộp thuế: giá mà anh ta nhận được:

$$P_s = P_d - T_{kl}$$

- Khi NTD phải nộp thuế, anh ta chỉ quan tâm đến giá sau thuế mà mình phải trả ( $P_d$ ) chứ không phải giá mà NSX đòi ( $P_s$ ). Mức giá đó là  $P_d = P_s + T_{kl}$ . Trong cả hai trường hợp, hệ pt cân bằng sau thuế là như nhau.
- Giải thích bằng đồ thị.



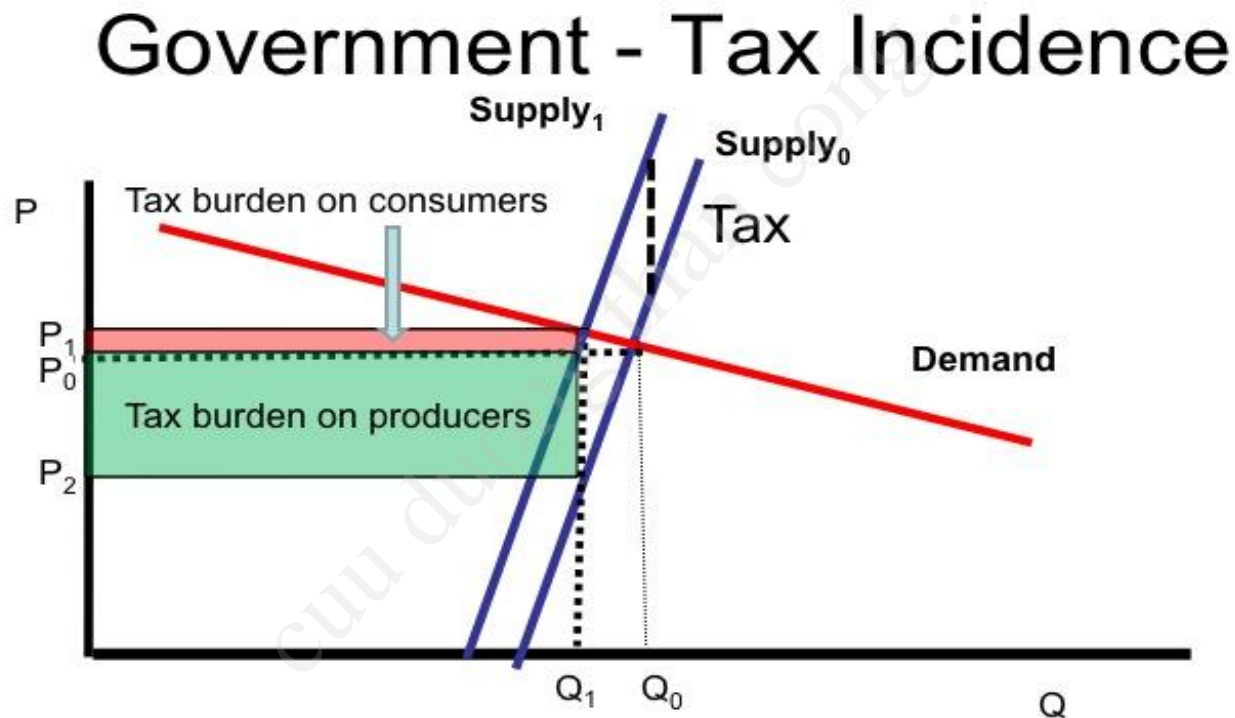
## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường CTHH

- Đánh thuế cao vào hàng hóa thiết yếu, ai là người chịu gánh nặng thuế chủ yếu? NSX? NTD?
- Đánh thuế cao vào hàng hóa xa xỉ, ai là người chịu gánh nặng thuế chủ yếu? NSX? NTD?
- Vì mục tiêu phân phối lại, có nên đánh thuế cao vào thuốc chữa bệnh?
- Các thiết kế thuế bảo trợ xã hội (thuế hưu trí) khác nhau: ví dụ 5% tiền lương do NLĐ nộp và 15% tiền lương do người sử dụng LĐ nộp / hoặc 10% tiền lương do NLĐ nộp và 10% tiền lương do người sử dụng LĐ nộp có dẫn đến các kết quả khác nhau?

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên thị trường CTHH



- Tax Burden on Consumer =  $E_s / (E_d + E_s)$
- Tax Burden on Supplier =  $E_d / (E_d + E_s)$

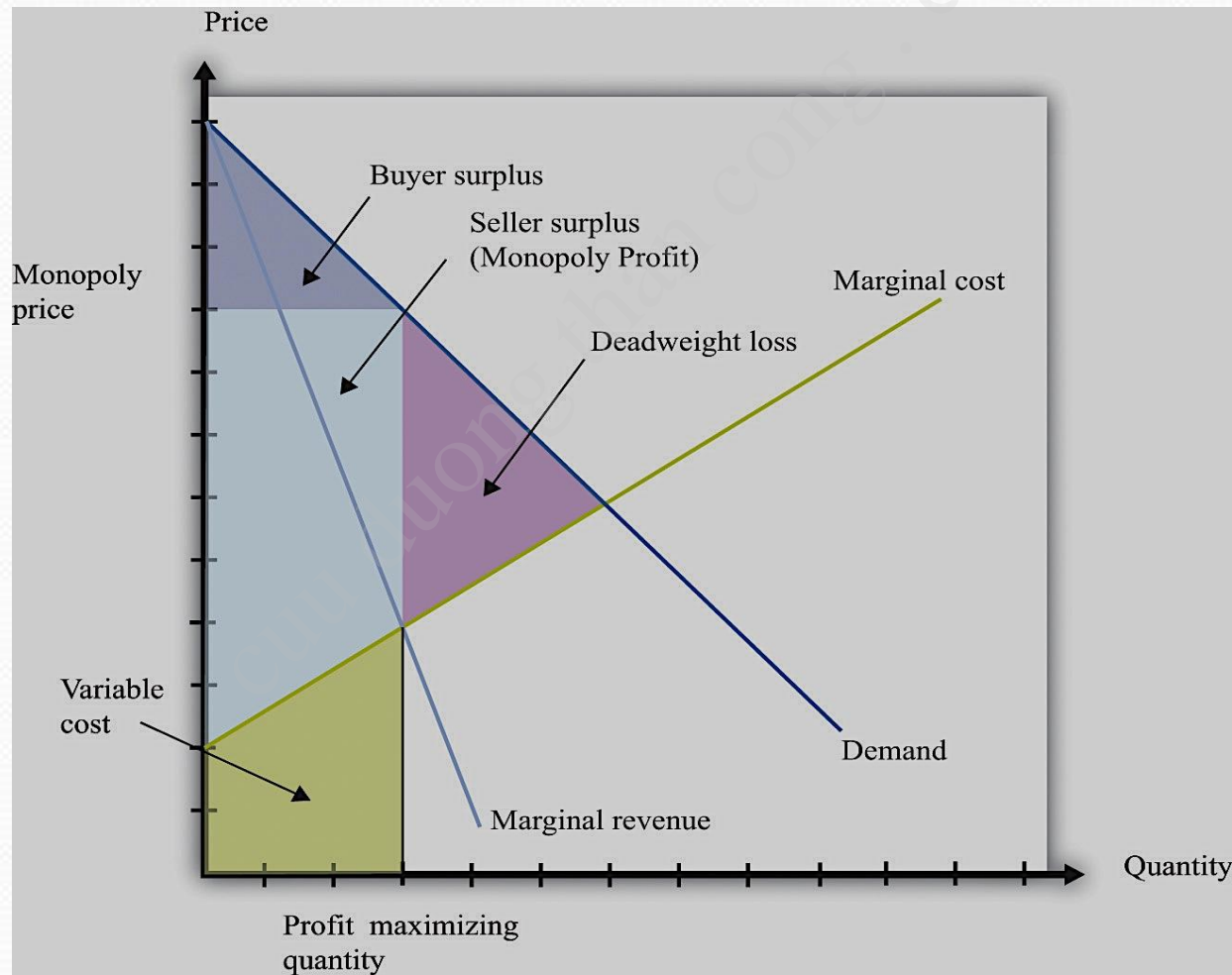
## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên TT độc quyền

- Lựa chọn của nhà độc quyền trước thuế:  $MC = MR$
- Lựa chọn của NĐQ sau thuế KL:  $MC + T_{kl} = MR$   
hay  $MC = MR - T_{kl}$
- Lựa chọn của NĐQ sau thuế giá trị:  $MC = MR(1-t)$
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân phối gánh nặng thuế:
  - + Độ dốc của đường MC: MC càng dốc đứng, gánh nặng thuế càng rơi nhiều hơn vào NSX
  - + MC nằm ngang & Đường cầu tuyến tính: gánh nặng thuế phân chia đều giữa NSX và NTD.
  - MC nằm ngang & Đường cầu có độ co giãn là hằng số: NTD chịu hơn 100% thuế.

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên TT độc quyền





## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên TT độc quyền

Thuế khối lượng và thuế giá trị trong trường hợp ĐQ

- Nếu thiết kế một loại thuế KL và thuế GT sao cho ảnh hưởng của chúng đến kết cục thị trường (P&Q trên thị trường) là như nhau, thuế giá trị sẽ đem lại nguồn thu nhiều hơn cho chính phủ.

CM: G/ sử  $P_1$  &  $Q_1$  là giá và lượng sau thuế. Ta có:

$$MC(Q_1) = MR(Q_1) - T_{kl} = MR(Q_1)(1 - t)$$

$$\Rightarrow T_{kl} = t \cdot MR(Q_1) < t \cdot P_1$$

$$\Rightarrow T_{kl} \cdot Q_1 < t \cdot P_1 \cdot Q_1 \text{ (đpcm)}$$

- Ngược lại: Nếu thiết kế một loại thuế KL và thuế GT đem lại nguồn thu cho chính phủ là như nhau, thuế GT sẽ làm giảm sản lượng ít hơn thuế khối lượng.



## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.2. Phân phối gánh nặng thuế trên TT độc quyền

Trường hợp ĐQ nhóm

- Chưa có lý thuyết nào giải thích rõ và đưa ra được dự đoán về tác động phân phối thuế trong trường hợp ĐQ nhóm.
  - Có hai khả năng: các hãng cầu kết được với nhau, và cùng đồng loạt tăng giá để phản ứng với thuế => tác động phân phối GN thuế như t/h độc quyền.
- + Các hãng cạnh tranh, không cầu kết với nhau: từng hãng khó tăng giá để phản ứng với thuế => gánh nặng thuế rơi nhiều hơn vào NSX

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.4. Những yếu tố tác động đến việc phân phối gánh nặng thuế

- Tác động cân bằng cục bộ của thuế khác tác động cân tổng thể của thuế.
- Phân tích CB cục bộ: giả định sự thay đổi trạng thái CB do thuế trên một thị trường không ảnh hưởng qua lại với trạng thái CB của các thị trường khác.
- Phân tích CB tổng thể: thuế đánh vào hàng hóa A làm thay đổi trạng thái CB trên thị trường A  $\Rightarrow$  thay đổi CB của các thị trường có liên quan.  $\Rightarrow$  GN thuế “lan tỏa” sang các thị trường khác
- Tác động của thuế trong ngắn hạn khác với tác động trong dài hạn: trong dài hạn nói chung cầu và cung thường co giãn hơn so với ngắn hạn.

## 4.2. Phân phối gánh nặng thuế

### 4.2.4. Những yếu tố tác động đến việc phân phối gánh nặng thuế

- Tác động của thuế trong nền kinh tế mở khác với trong nền kinh tế đóng: trong nền kinh tế mở, cung về các yếu tố sản xuất thường co giãn hơn
- Sự thay đổi thuế thường gắn với sự thay đổi trong các chính sách khác. Những thay đổi kèm theo đó cũng ảnh hưởng đến kết quả phân phối gánh nặng thuế.
- Khi chính phủ tăng một loại thuế, CP thường hoặc
  - i) giảm một loại thuế khác;
  - ii) giảm vay nợ của chính phủ;
  - iii) tăng chi tiêu CP

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

4.3.4. Gánh nặng quản lý thuế

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

- Trường hợp thuế hoàn toàn do người tiêu dùng gánh chịu
- Trường hợp thuế hoàn toàn do người sản xuất gánh chịu
- Trường hợp tổng quát
- Mở rộng: tổn thất hiệu quả trong trường hợp thị trường độc quyền



## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

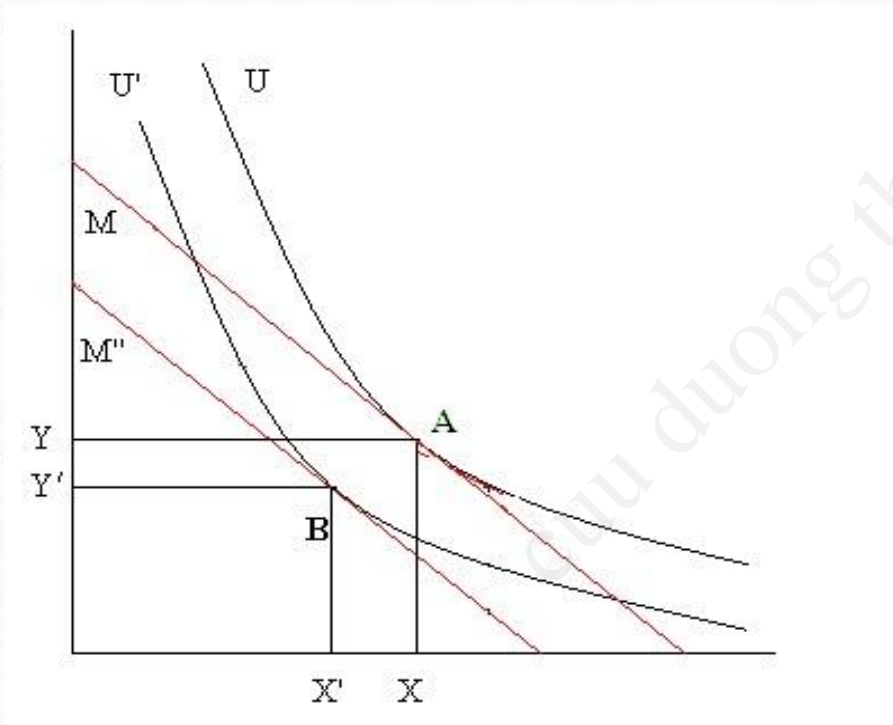
Trường hợp thuế hoàn toàn do người tiêu dùng gánh chịu: *phân tích trên cơ sở đường bàng quan và đường ngân sách*

- Hai hàng hóa X và Y. Các mức giá tương ứng:  $P_x$  &  $P_y$ . Với sở thích và ngân sách chỉ tiêu xác định, người tiêu dùng sẽ lựa chọn một rổ hàng hóa tối ưu
- X bị đánh thuế: T; Y không bị đánh thuế. Sau thuế: giá X tăng lên thành  $P_x + T$ . Đường NS xoay vào trong  $\Rightarrow$  NTD thay đổi điểm lựa chọn.
- Giá X tăng tạo ra 2 hiệu ứng: thu nhập và thay thế
- Đo lường khoản thuế mà NTD phải nộp (Chú ý: đơn vị đo)

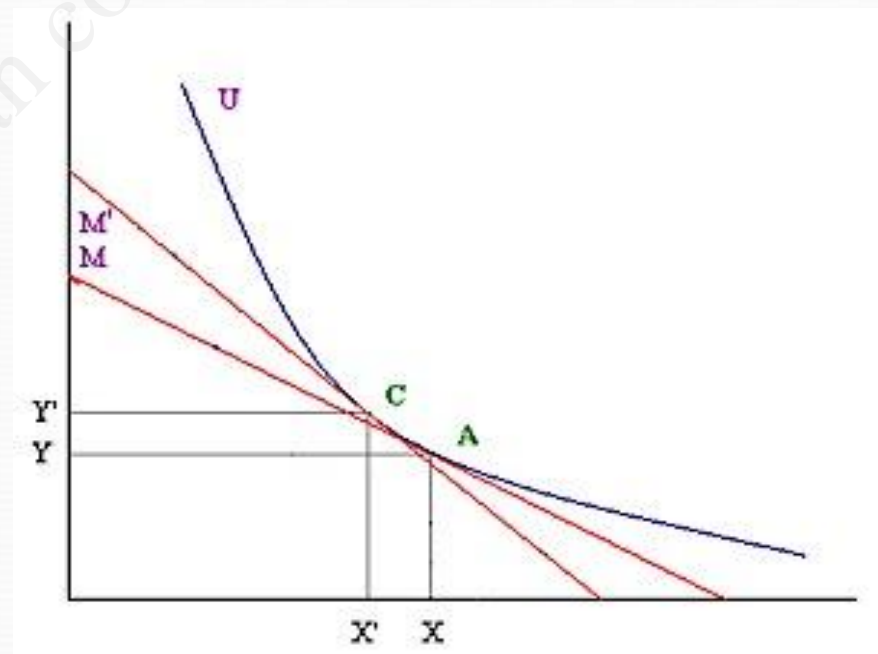
## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

Trường hợp thuế hoàn toàn do người tiêu dùng gánh chịu



Hiệu ứng thu nhập: Income Effect



Hiệu ứng thay thế: Substitution Effect

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

Trường hợp thuế hoàn toàn do người tiêu dùng gánh chịu: *phân tích trên cơ sở đường bàng quan và đường ngân sách*

- Đo lường tổn thất hiệu quả: so sánh trường hợp thuế khoán với thuế hàng hóa – thiết kế thuế khoán sao cho độ thỏa dụng sau thuế của người tiêu dùng vẫn tương đương với t/h sau thuế hàng hóa.
- Tổn thất hiệu quả chỉ liên quan đến h/u thay thế.
- Mức tổn thất hiệu quả phụ thuộc vào cường độ của h/u thay thế. Nó thay đổi theo từng cá nhân và từng loại hàng hóa (khả năng thay thế X bằng Y)

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

Trường hợp thuế hoàn toàn do người tiêu dùng gánh chịu: *phân tích trên cơ sở mô hình cầu - cung*

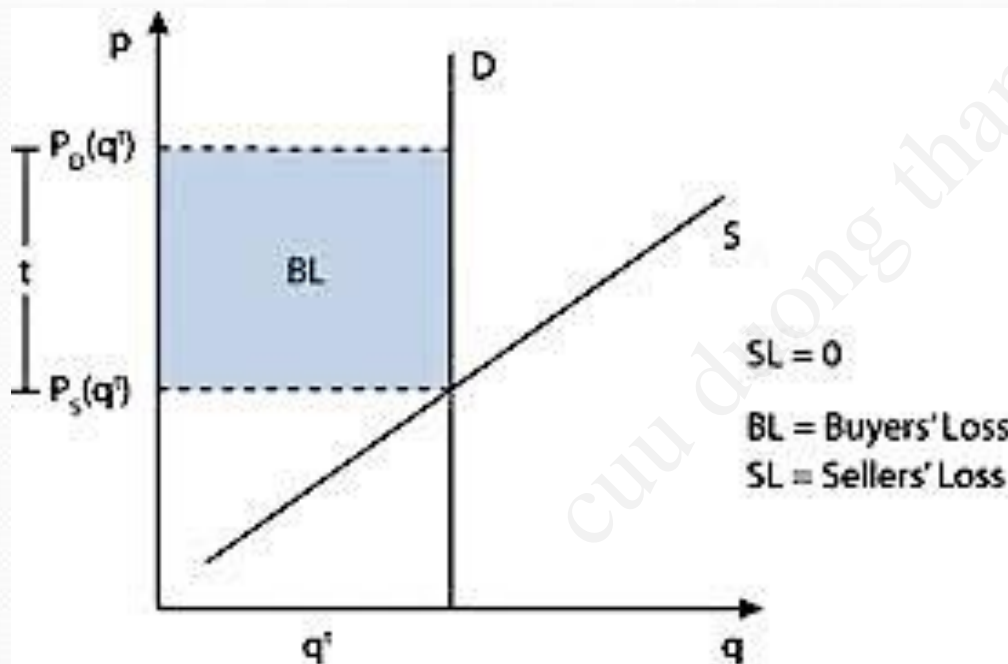
- NTD hoàn toàn chịu thuế xảy ra trong 2 t/h:  $E_d = 0$  hoặc  $E_s = \infty$ .
- $E_d = 0 \Rightarrow$  không có tổn thất hiệu quả. Thuế không làm thay đổi sản lượng hàng hóa tiêu dùng. Khoản mất mát trong phúc lợi của người tiêu dùng ngang bằng khoản thu thuế của chính phủ.
- $E_s = \infty \Rightarrow$  NTD thay đổi mức tiêu thụ hh  $\Rightarrow$  xuất hiện tổn thất hiệu quả.
- Mức tổn thất hiệu quả phụ thuộc (theo chiều thuận) vào mức thuế và độ co giãn của cầu.



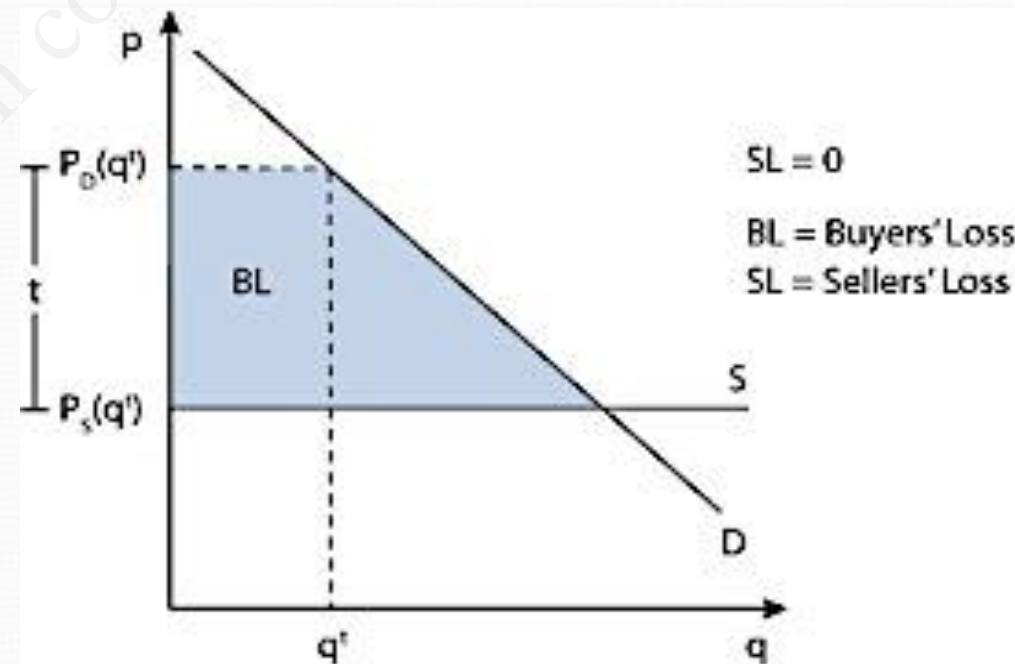
## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

Trường hợp thuế hoàn toàn do người tiêu dùng gánh chịu: *phân tích trên cơ sở mô hình cầu – cung*



$E_d = 0$  (Perfectly inelastic demand)



$E_s = \infty$  (Perfectly elastic supply)  
 $\Rightarrow$  xuất hiện tổn thất hiệu quả.



## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

Người sản xuất hoàn toàn chịu thuế: *phân tích trên cơ sở mô hình cầu – cung*

- Hai trường hợp:  $E_s = 0$  hoặc  $E_d = \infty$ . T/h đầu không có tổn thất hiệu quả.
- Xét khi  $E_d = \infty$ , sản lượng tiêu thụ cân bằng thay đổi  $\Rightarrow$  xuất hiện tổn thất hiệu quả
- Mức tổn thất hiệu quả phụ thuộc (theo chiều thuận) vào mức thuế và độ co giãn của cung theo giá.

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

Thuế do cả người tiêu dùng và người sản xuất cùng gánh chịu (T/H tổng quát)

- Sau thuế: sản lượng cân bằng giảm.  $P_d$  tăng;  $P_s$  giảm.
- Cả thặng dư tiêu dùng lẫn thặng dư sản xuất đều giảm
- Tổng mất mát trong thặng dư tiêu dùng và sản xuất lớn hơn lượng thuế mà chính phủ thu được  $\Rightarrow$  xuất hiện tổn thất hiệu quả.

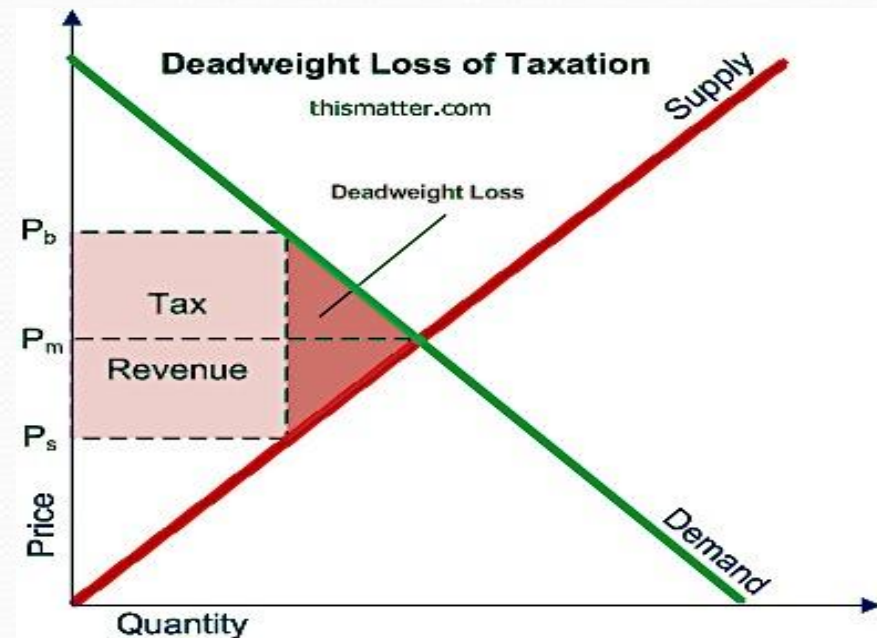
## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.1. Thuế hàng hoá và tổn thất hiệu quả

- Mức tổn thất hiệu quả phụ thuộc vào
  - i) mức thuế: thuế càng cao TTHQ càng lớn (quy tắc bình phương nếu các đường D & S là tuyến tính);
  - ii)  $E_d$  &  $E_s$ . Cầu và cung càng co giãn  $\Rightarrow$  TTHQ càng lớn.

$$\Delta W = \frac{1}{2} t \cdot \Delta Q$$

- $P_b$  = Price buyers pay.
- $P_m$  = Market price without taxes.
- $P_s$  = Price sellers receive.
- $t = P_b - P_s$



# Bài tập thực hành

## Bài 1 (Chương 4, trang 357)

Đường cầu về cặp sách trong 1 địa phương nhỏ là  $QD=600-2P$ , đg cung:  $QS=300+4P$ , trong đó  $Q$  tính bằng nghìn chiếc,  $P$  tính bằng nghìn đồng. Chính phủ quyết định đánh thuế 6000đ/cặp sách vào người tiêu dùng. Hãy cho biết:

- a. Cân bằng thị trường, TDSX và TDTD trước thuế
- b. Doanh thu thuế của CP, gánh nặng thuế của NTD và NSX, sự thay đổi TDSX và TDTD khi có thuế
- c. Tổn thất vô ích (mất trắng XH) do thuế gây ra? Tổn thất về phía NSX và NTD?

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

- Lựa chọn của người lao động giữa làm việc và nghỉ ngơi
- Thuế tiền lương và sự thay đổi trong hành vi cung ứng lao động
- Tổn thất hiệu quả do thuế tiền lương gây ra



## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

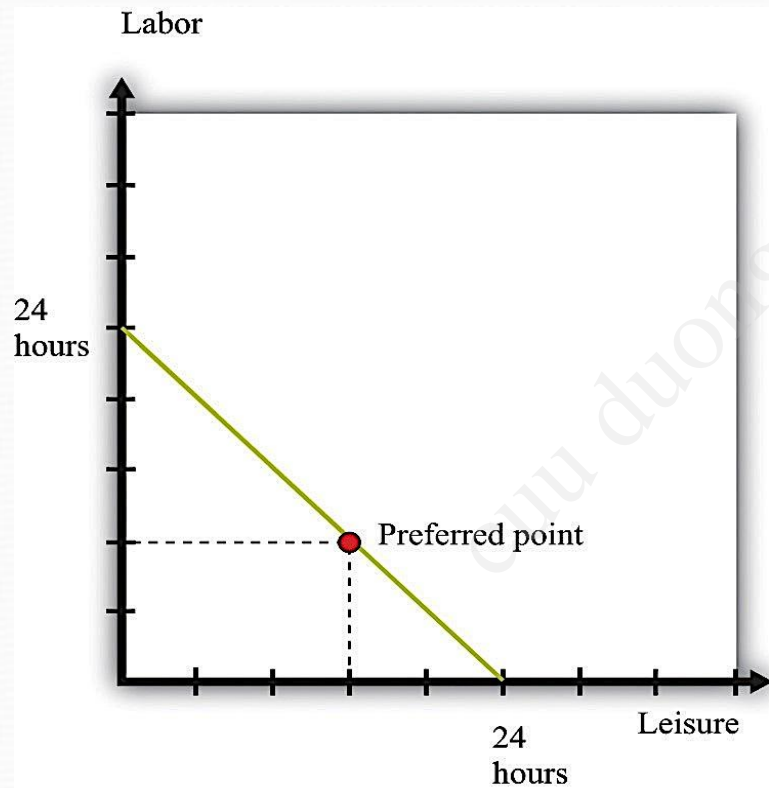
Thuế tiền lương có Hiệu ứng thu nhập không?

Thuế tiền lương có Hiệu ứng thay thế không?

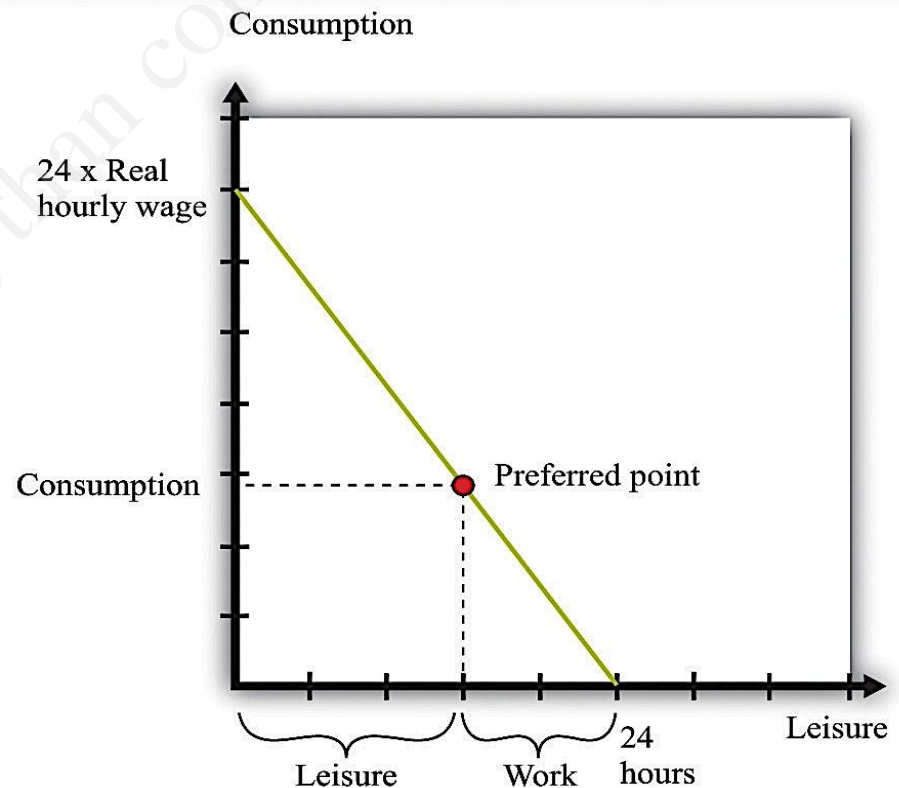
## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Thuế tiền lương và sự thay đổi trong hành vi cung ứng lao động



(a)



(b)

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Lựa chọn của người lao động giữa làm việc và nghỉ ngơi

- Xét một người lao động nhất định, phải lựa chọn giữa hai loại “hàng hóa” hữu ích: thu nhập (đo bằng đơn vị tiền tệ) và nghỉ ngơi (đo bằng số giờ) trong một khoảng thời gian ( $t$ ) nào đó. Trong đó:  $t = h + L$  ( $h$ : số giờ nghỉ ngơi;  $L$ : số giờ làm việc, tạo ra thu nhập)
- Sở thích của người này được phản ánh bằng hệ thống các đường bàng quan (độ dốc âm như thông thường)
- Đường ràng buộc ngân sách có pt:

$$I = I_0 + (t - h)w \Leftrightarrow I = I_0 + w.t - w.h;$$

trong đó:  $I$  là thu nhập;  $I_0$ : thu nhập phi lao động;  $w$  mức lương/giờ

- Lựa chọn số giờ nghỉ ngơi của người lao động phụ thuộc vào: sở thích,  $I_0$ ,  $w$ .

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Thuế tiền lương và sự thay đổi trong hành vi cung ứng lao động

- Thuế đánh vào tiền lương khiến mức lương sau thuế mà NLĐ được hưởng giảm  $\Rightarrow$  DNS xoay  $\Rightarrow$  điểm lựa chọn tối ưu giữa thu nhập và nghỉ ngơi của người lao động thay đổi
- Điểm lựa chọn tối ưu mới:  $(L^*; I^*)$

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

- Tại điểm  $(L^*; I^*)$  sau khi có thuế ta có thể phân tích được 2 hiệu ứng của thuế: hiệu ứng thu nhập khiến cho  $h$  giảm,  $L$  tăng; hiệu ứng thay thế: khiến cho  $h$  tăng;  $L$  giảm.
- Thuế làm tăng hay giảm số giờ  $L$  mà NLĐ sẵn sàng cung ứng?



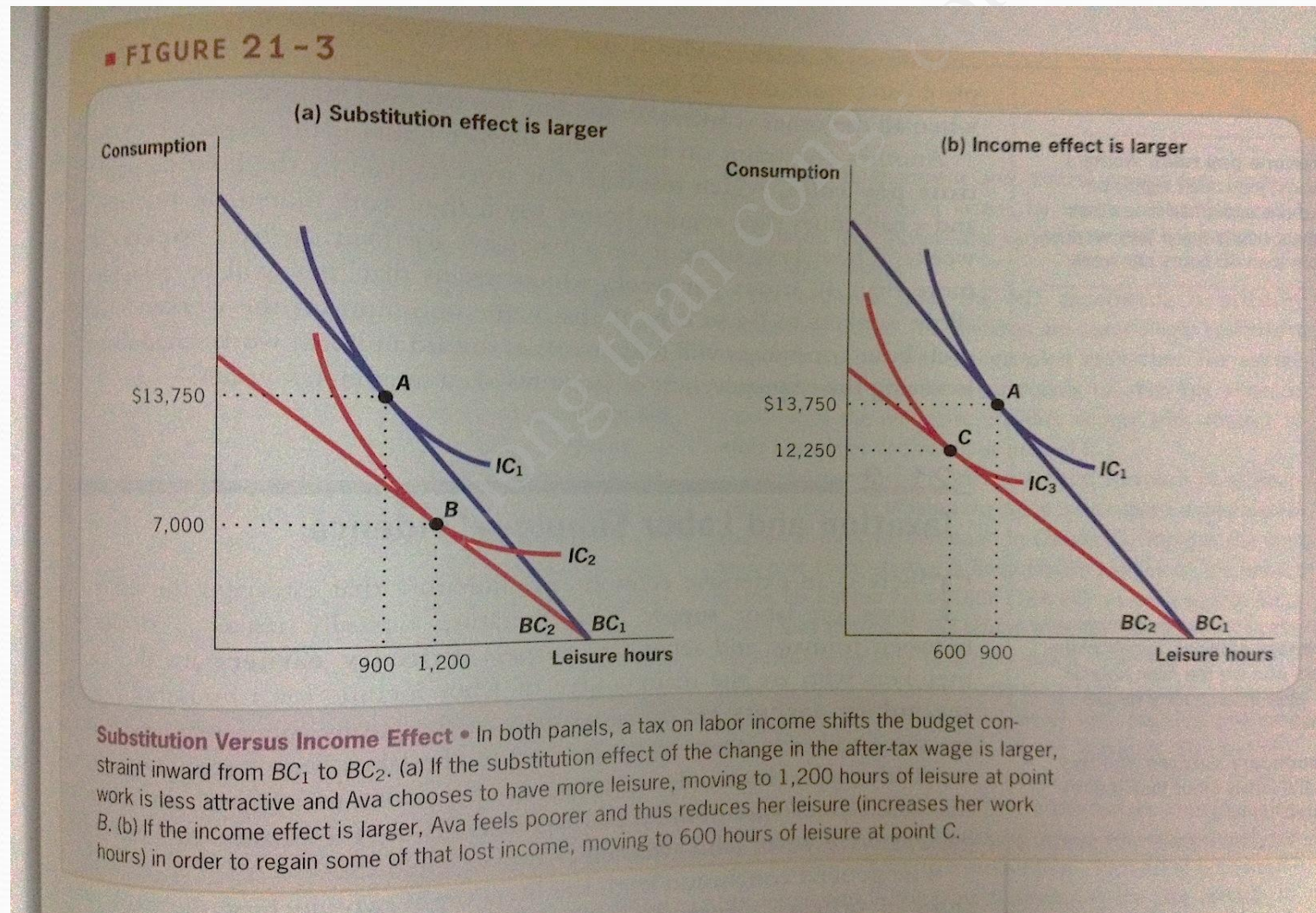
## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

- Câu trả lời không rõ ràng: về lý thuyết, tồn tại 3 khả năng:
  - 1) Nếu h/ư thu nhập mạnh hơn h/ư thay thế  $\Rightarrow$  L tăng (NLĐ sẵn sàng làm việc nhiều hơn).
  - 2) H/ư thu nhập yếu hơn h/ư thay thế  $\Rightarrow$  L giảm;
  - 3) L không thay đổi nếu 2 h/ư này cân bằng nhau.

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả



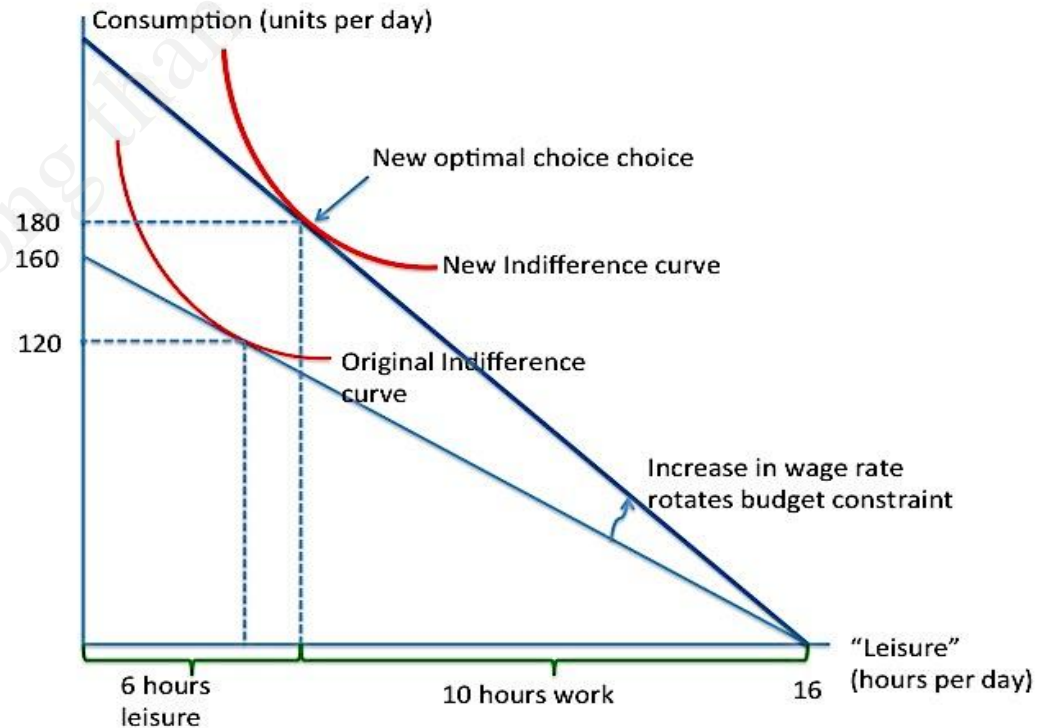


## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Lương tăng:

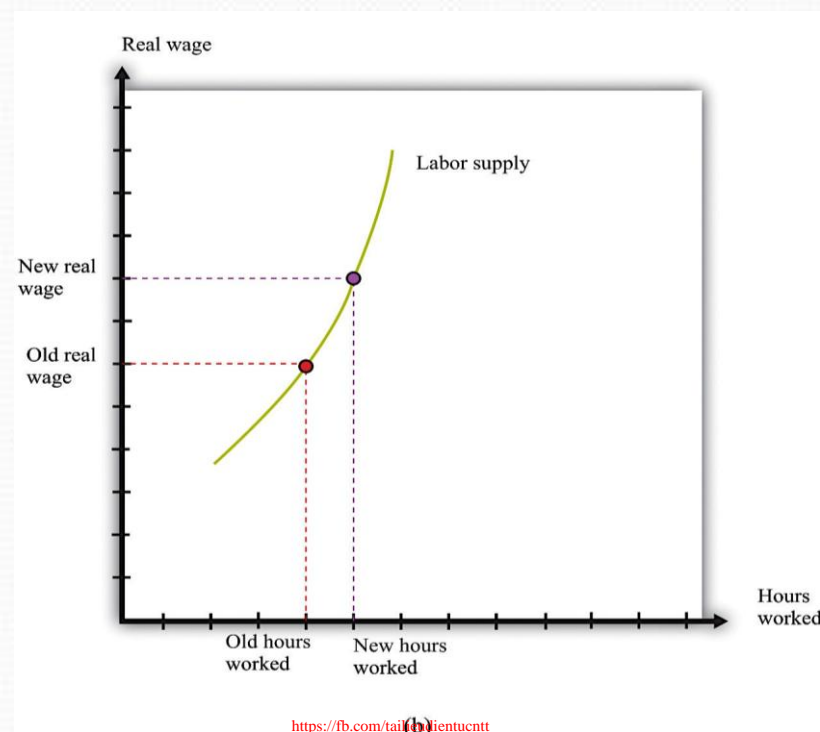
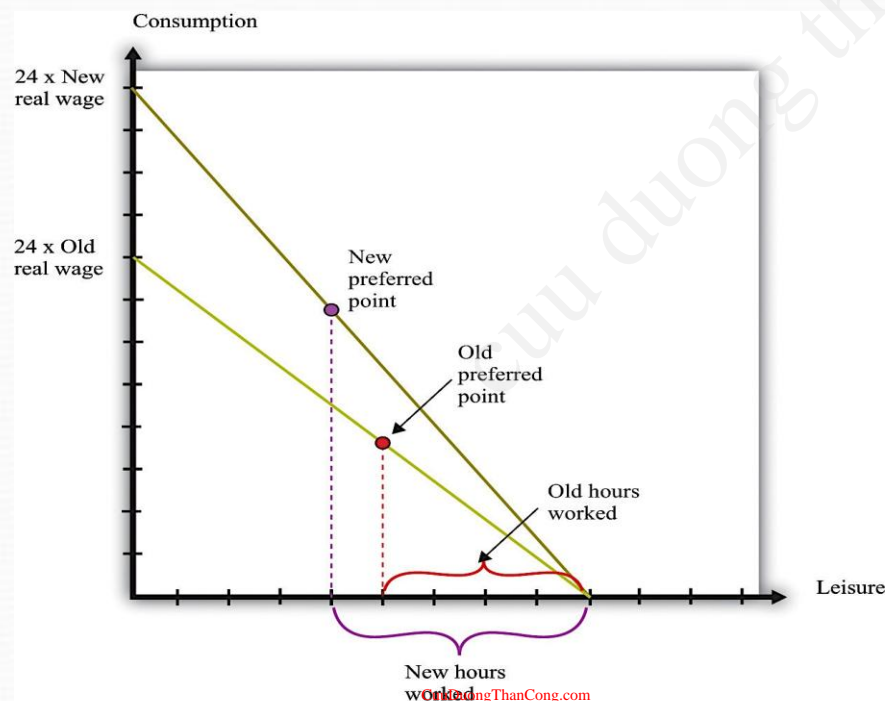
- Làm việc nhiều hơn?
- Làm việc ít đi?



## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Sự gia tăng tiền lương thực tế làm cho đường ngân sách xoay ra phía ngoài. Cả hiệu ứng Thu nhập và hiệu ứng thay thế đều xảy ra đối với lao động: hiệu ứng thu nhập khuyến khích giải trí nhiều hơn (làm việc ít hơn), trong khi hiệu ứng thay thế khuyến khích làm việc nhiều hơn. Các hiệu ứng thay thế thường chiếm ưu thế, vì vậy tiền lương thực tế cao hơn dẫn đến làm việc nhiều hơn. Điều này có nghĩa rằng đường cung lao động dốc lên, như thể hiện trong (b).

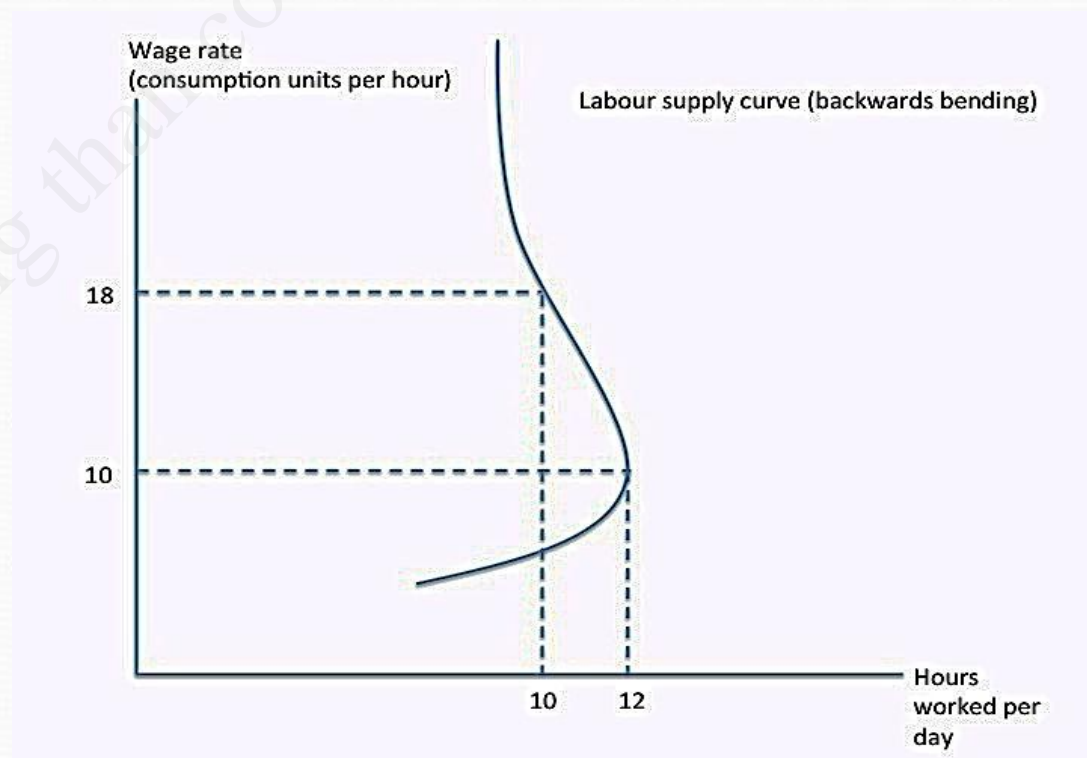


## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Đường cầu lao động uốn ngược: backwards bending labour supply curve

Về lý thuyết, các tác động của việc tăng tỷ lệ tiền lương là không rõ ràng. Khi công việc được trả cao hơn, chi phí nghỉ ngơi hay giải trí nhiều hơn. Điều này có nghĩa là người lười có xu hướng làm việc nhiều giờ hơn, thay thế tiêu dùng cho giải trí "hiệu ứng thay thế". Đồng thời, khi công việc được trả cao hơn, người ta không phải làm việc rất chăm chỉ để đủ ăn, và thay vào đó có khả năng để nghỉ ngơi - "hiệu ứng thu nhập". Trong sơ đồ trên, hiệu ứng thu nhập chiếm ưu thế. Khi tăng lương, người này làm việc ít giờ hơn – còn được gọi là một “đường cung lao động uốn ngược”.





## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Hiệu ứng thay thế và hiệu ứng thu nhập khi tăng và giảm tiền lương thực tế (ngược nhau)

	Hiệu ứng thu nhập		Hiệu ứng thay thế	
Tiền lương tăng	↓ L	↑ h	↓ h	↑ L
Tiền lương giảm	↓ h	↑ L	↓ L	↑ h

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

#### Thảo luận nhóm

- Khi nào thì h/ư thu nhập mạnh hơn h/ư thay thế?
- Khi nào thì H/ư thu nhập yếu hơn h/ư thay thế?

Thực nghiệm: Bằng chứng thực tế cho thấy rằng đối với nam giới các ảnh hưởng của thu nhập và thay thế thực tế là loại trừ lẫn nhau, do vậy, tác động tổng cộng của thuế lên việc cung cấp sức lao động của nam giới là không lớn; trong khi đối với nữ giới, có thể có những ảnh hưởng rõ rệt đối với sự tham gia lao động. Mặt khác ngay cả dù cho ảnh hưởng tổng cộng đối với nam giới là nhỏ thì ảnh hưởng thay thế ra kèm theo đó là sự mất trắng về thuế là rất lớn.

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.2. Thuế tiền lương và tổn thất hiệu quả

Tổn thất hiệu quả do thuế tiền lương gây ra

- Đo lường tổn thất hiệu quả: so sánh thuế đánh vào tiền lương với thuế khoán (thiết kế sao cho độ thỏa dụng của NLĐ sau hai loại thuế là tương đương)
- Mức tổn thất hiệu quả phụ thuộc vào mức thuế và cường độ của h/ư thay thế. Nếu không có h/ư thay thế => không có tổn thất hiệu quả.
- Câu hỏi: thuế tiền lương có gây ra tổn thất hiệu quả không khi lượng lao động cung ứng trước và sau thuế vẫn giữ nguyên?

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

- Cơ cấu thuế hiệu quả Pareto: là một cơ cấu thuế mà từ đó người ta không thể dịch chuyển sang một cơ cấu khác để làm cho một số người trở nên khá giả hơn mà lại không làm những người khác nghèo đi.
- Có thể có nhiều cơ cấu thuế hiệu quả Pareto. Một cơ cấu có thể có lợi cho A trong khi cơ cấu khác lại có lợi cho B.
- Với một hàm phúc lợi xã hội nhất định, cơ cấu thuế tối ưu là cơ cấu thuế hiệu quả Pareto cho phép tối đa hóa được phúc lợi xã hội.

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

- Nếu hàm phúc lợi xã hội phản ánh mối quan tâm nhiều hơn về công bằng (theo chiều dọc)  $\Rightarrow$  cơ cấu thuế tối ưu sẽ mang tính chất lũy tiến nhiều hơn (phân phối lại mạnh hơn)
- Nếu các cá nhân đều giống nhau, và được đối xử về thuế giống nhau (công bằng theo chiều ngang), chỉ hệ thống thuế khoán là hiệu quả: mọi thuế khác đều gây méo mó  $\Rightarrow$  chính phủ có thể thu được cùng một lượng thuế và làm mỗi cá nhân khá giả hơn bằng việc áp dụng một loại thuế khoán thống nhất.



## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

- Trên thực tế, không áp dụng được một hệ thống thuế khoán do:
  1. Các cá nhân là khác nhau;
  2. Chính phủ phải theo đuổi mục tiêu công bằng.
- Chính phủ luôn phải lựa chọn sự đánh đổi giữa công bằng & hiệu quả: phân phối lại càng mạnh, tổn thất hiệu quả càng lớn

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

Hệ thống Thuế hàng hoá tối ưu: Là hệ thống thuế suất đối với các hàng hoá sao cho giảm thiểu được mất trắng xã hội mà vẫn đảm bảo được một nguồn thu quy định đối với chính phủ

Mô hình thuế hàng hoá tối ưu của Ramsey: chính phủ nên áp dụng một hệ thống thuế đối với tất cả các hàng hoá sao cho tỷ lệ giữa mất trắng xã hội cận biên trên doanh thu chính phủ cận biên tăng lên bằng nhau đối với tất cả các hàng hoá.

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

Mô hình thuế hàng hoá tối ưu của Ramsey:

$$MDWLi/MRi = \lambda$$

Trong đó:

- MDWLi là mất trắng xã hội cận biên từ việc tăng thuế với hàng hoá i
- MRi doanh thu cận biên tăng lên từ việc tăng thuế với hàng hoá i
- $\lambda$  là giá trị của doanh thu chính phủ tăng thêm.

Gợi ý chính sách từ mô hình Ramsey:

- Chính phủ nên đánh thuế sao cho  $\lambda$  của các hàng hoá bằng nhau
- $\lambda$  nên nhỏ (thuế suất nên thấp)

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

Hệ thống thuế thu nhập tối ưu là hệ thống thuế giữa các nhóm thu nhập nhằm tối đa hoá phúc lợi xã hội với một nguồn thu chính phủ đã quy định.

Với một số giả định, hệ thống thuế thu nhập tối ưu là hệ thống thuế làm cho mọi người đều có thu nhập sau thuế bằng nhau. Những cá nhân có thu nhập thấp hơn mức trung bình (tỷ lệ giữa tổng thu nhập sau thuế của toàn xã hội chia cho tổng dân số) sẽ được chính phủ trợ cấp.

Với hệ thống này: tỷ lệ thuế cận biên là 100%

=> Hệ thống không thực tế (Mặc dù đã có ví dụ thực tế như tại Mỹ năm 1945 tỷ lệ thuế cận biên cao nhất là 94%)

## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.3. Hệ thống thuế tối ưu

Thảo luận nhóm:

- Sở thích làm việc và tiết kiệm của bạn giống với ai trong ba anh em? Tom? Dick? hay Harry? Vì sao?
- Bạn nghĩ gì về cách phân chia khoản chi phí chung của 3 anh em?
  - + Tom?
  - + Dick?
  - + Harry?
- Bạn ủng hộ cách phân chia nào và vì sao?



## 4.3. Thuế và hiệu quả kinh tế

### 4.3.4. Gánh nặng quản lý thuế

- Tránh thuế: giảm nghĩa vụ thuế một cách hợp pháp.  
Các cách tránh thuế: - dịch chuyển thu nhập giữa các cá nhân.
  - Arbitrage thuế: nhằm lợi dụng chênh lệch thuế suất giữa các mức thu nhập khác nhau và các cá nhân khác nhau (Trường hợp truy thu thuế 507 tỷ đồng đối với Metro Cash and Carry Vietnam) [Metro tax case in Vietnam](#)
  - Hoãn thuế
- Trốn thuế: giảm nghĩa vụ thuế một cách bất hợp pháp (khai báo gian lận về thu nhập, doanh thu và làm sai lệch các khoản chi tiêu được khấu trừ thuế)

# Bài tập thực hành

Biểu cầu về một hàng hóa như sau:

<b>P (Tr đ)</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	<b>32</b>	<b>28</b>	<b>24</b>	<b>20</b>
<b>Q (tấn)</b>	<b>0.5</b>	<b>1</b>	<b>1.5</b>	<b>2</b>	<b>2.5</b>	<b>3</b>

Lượng cung của hàng hóa này là không đổi  $Q_S = 2$  tấn

Yêu cầu:

1. Xác định thặng dư xã hội?
2. Nếu Chính phủ đánh thuế người tiêu dùng 2.000đ/kg, ai là người chịu thuế? Doanh thu của doanh nghiệp tăng hay giảm?
3. Tổng thu từ thuế của Chính phủ?
4. Gánh nặng thuế của người sản xuất và người tiêu dùng?

THU PHƯƠNG